

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM ĐÀN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2018/HNGĐ-ST**
Ngày 15 tháng 6 năm 2018
V/v: Tranh chấp Hôn nhân & gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn P

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân H, ông Nguyễn Trọng C

-Thư ký phiên tòa: Ông Vương Hoàng H. Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Minh H - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/6/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2018/TLST-HNGĐ ngày 07/3/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/5/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1992. Có mặt.

Nơi cư trú: Xóm 17 K, xã K, huyện Nam Đàn, Nghệ An

- Bị đơn: Anh **Tô Bá N**, sinh năm 1984. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm 5 K, xã K, huyện Nam Đàn, Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 26/3/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Tô Bá N vào ngày 05/7/ 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình, suy nghĩ, quan điểm không hợp nhau, anh N không có lập trường, nghe lời cha mẹ đánh đập, đuổi chị ra khỏi nhà dẫn đến chị phải về nhà cha mẹ để sinh sống. Sau đó anh đã đến xin lỗi và chị đã quay về, tuy nhiên được một thời gian thì mọi việc lại như cũ, anh N vẫn không thay đổi. Năm 2015 thì chị về nhà cha mẹ để sinh sống, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay mà không quan tâm, liên lạc gì với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh Tô Bá N có 01 con chung là Tô Bá B, sinh ngày 03/4/2011. Ly hôn, chị H nhường quyền nuôi con cho anh N vì từ nhỏ đến nay cháu ở với bố và gia đình bên nội. Chị không đồng ý cấp dưỡng nuôi con vì chồng và gia đình chồng nói xấu chị. Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2018 chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con 500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Tô Bá N vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 12/4/2018, quá trình giải quyết vụ án thì anh N trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, địa điểm đăng ký kết hôn như chị H trình bày là đúng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, anh N quan tâm chăm lo cho gia đình, vợ con. Từ năm 2015 đến nay, chị H bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân mà không liên lạc, quan tâm gì đến nhau. Anh đã nhiều lần gọi chị H về để vợ chồng đoàn tụ gia đình nhưng chị H không đồng ý. Nay anh vẫn còn tình cảm yêu thương chị H nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh N và chị H có 01 con chung: Tô Bá B, sinh ngày 03/4/2011. Nếu vợ chồng ly hôn thì anh N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi đủ tuổi trưởng thành và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn về tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị H và anh Tô Bá N thì được biết: Anh N và chị H sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống với cha mẹ anh N tại xóm 5 K, xã K, huyện Nam Đàn được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không nắm được. Năm 2015 thấy chị H bỏ về bên nhà mẹ đẻ sinh sống và đi làm thuê, không thấy quay về thăm hỏi chồng con. Chị H và anh N có một con chung, khi chị H bỏ về bên ngoại thì anh N là người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nhưng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp; Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, tổng đạt đảm bảo quyền của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự từ Điều 139 đến Điều 260 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình, còn bị đơn anh Tô Bá Ngọc đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Tô Bá N. Về con chung: Giao con chung Tô Bá B, sinh ngày 03/4/2011 cho anh Tô Bá N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng/tháng, bắt đầu từ tháng 07/2018 cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tô Bá N có địa chỉ cư trú tại xã K, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Tô Bá N vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N là đúng theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Tô Bá N kết hôn ngày 05/7/2010 do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An; hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn 3 năm, đến năm 2013 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình, suy nghĩ, quan điểm sống của hai vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong việc xây dựng kinh tế gia đình, không tin tưởng, thương yêu lẫn nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị H cho rằng anh N và gia đình bên nội xua đuổi chị ra khỏi nhà, buộc chị phải về nhà mẹ đẻ sinh sống từ năm 2013. Sau đó, vợ chồng đoàn tụ với nhau nhưng anh N vẫn không thay đổi nên từ năm 2015 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân, không liên lạc, quan tâm gì đến nhau. Còn anh Tô Bá N xác nhận vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị H, anh và gia đình đã nhiều lần đến gọi chị H về đoàn tụ gia đình nhưng chị H không chịu. Mặc dù không muốn ly hôn nhưng anh N cũng không có biện pháp gì để hàn gắn, cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Xét thấy anh N, chị H đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và

gia đình 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Tô Bá N có 01 con chung là Tô Bá B, sinh ngày 03/4/2011. Ly hôn, chị H nhường quyền nuôi con cho anh N, còn anh N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Xét từ khi vợ chồng ly thân, chị H cũng không hỏi han, quan tâm gì đến con. Mặt khác, cháu B từ nhỏ đến nay do anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con như sự phát triển về thể chất, tinh thần nên giao con chung Tô Bá B cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các bên. Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không cấp dưỡng vì chồng và gia đình chồng nói xấu chị, còn anh N yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng anh không yêu cầu cụ thể bao nhiêu mà đề nghị căn cứ vào quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng, cha mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Việc anh N yêu cầu chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là chính đáng. Tuy nhiên, xét thu nhập của chị H phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp của gia đình; căn cứ thu nhập hiện tại, cần buộc chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 500.000 đồng/tháng, bắt đầu từ tháng 7/2018 cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Tô Bá N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6]. Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H với anh Tô Bá N.

2. Về con chung: Giao con chung Tô Bá B, sinh ngày 03/4/2011 cho anh Tô Bá N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N số tiền 500.000 đồng/tháng, bắt đầu từ tháng 7/2018 cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và các khoản nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (*ba trăm nghìn*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003521 ngày 06/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đàn. Chị H còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn*).

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, nếu bên phải thi hành án không thi hành án thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

7. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 31/5/2018). Anh Tô Bá N có quyền kháng cáo lên tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Nam Đàn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Nam Đàn;
- UBND xã K, H Nam Đàn;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.TA.

(Đã ký)

Lê Văn P